

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 82/2021/HS-ST

Ngày: 05-7-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát

2. Ông Lê Tấn Phát

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đoàn Trung, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C, sinh năm 1998; nơi sinh: tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp N1, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Ấp N2, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc M, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1981; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không.

Tiền sự: có 01 tiền sự. Quyết định số 5854/QĐ-XPHC, ngày 31-7-2020, của Công an thành phố Tây Ninh xử phạt Trần Văn C số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo đóng phạt ngày 06-8-2020, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Trần Văn C bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 17-12-2020, chuyển tạm giam từ ngày 26-12-2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh H (tên gọi khác: BT) sinh năm 1994; nơi sinh: tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố NT,

phường NS, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị V, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không có.

Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án số 09/2013/HSST ngày 23-01-2013 của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh xử phạt Lê Thanh H 3 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07-9-2015 nhưng chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại nên chưa được xóa án tích.

Bị cáo Lê Thanh H (BT) bị áp dụng biện pháp ngăn chặn từ ngày 17-12-2020, chuyển tạm giam từ ngày 26-12-2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thanh H (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1987; nơi sinh: tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố 4, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành N, sinh năm 1953 và bà Võ Ngọc L, sinh năm 1954; vợ: Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1991 (đã ly hôn) con: có 02 người, nhỏ nhất sinh năm 2014, lớn nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo Lê Thanh H (Đ) bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 16-4-2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn U, sinh năm 1987; nơi sinh: tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp N1, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Khu phố NP, phường NT, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1961; vợ: Nguyễn Thị Trúc L2, sinh năm 1986 (đã ly hôn) con: có 01 người sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo Nguyễn Văn U bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 16-4-2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1981; có mặt

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 16-12-2020, Lê Thanh H (BT) đang ở nhà thì bạn tên “H2” (không rõ họ tên địa chỉ) điện thoại rủ đến phòng số 666 Karaoke LiLy ca hát thì H (BT) đồng ý. Sau khi mượn xe mô tô loại Vario của chị Nguyễn Thị Cẩm H3, sinh năm 2000, tạm trú NT, NS, thành phố T và mang theo một ít ma túy dạng khay đến nơi hẹn, H (BT) vào phòng 666 Karaoke LiLy, gặp nhóm bạn trong đó có H2, Lê Thanh H (Đ), Nguyễn Văn U và một số người khác không rõ họ tên địa chỉ. Lúc này, H (BT) lấy ma túy dạng khay ra cùng một số người sử dụng. Khi sử dụng hết ma túy, H (BT) rủ Lê Thanh H (Đ), Nguyễn Văn U hùn tiền mỗi người 1.000.000 đồng mua ma túy sử dụng thì H (Đ) và U đồng ý. Sau đó, H (BT) hùn thêm 500.000 đồng và dùng điện thoại Iphone màu trắng đồng bên trong có sim số 0765567857 gọi vào sim số 076907047 của Trần Văn C hỏi mua 2.500.000 đồng ma túy khay và mua riêng 01 viên ma túy dạng thuốc lắc giá 300.000 đồng, hẹn C đến Karaoke LiLy để giao ma túy và nhận tiền thì C đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, C mang ma túy đến bán cho H (BT), khi giao ma túy cho H (BT) xong, chưa kịp nhận tiền thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Ngoài lần bị bắt quả tang, C đã nhiều lần bán ma túy cho H (BT), để lấy tiền lời tiếp tục mua ma túy sử dụng. C thường gặp người tên “T2” (không rõ họ tên địa chỉ) mua ma túy về bán lại cho H (BT). Từ khoảng tháng 11/2020 đến ngày bị bắt quả tang, C bán cho H (BT) 05 lần. Lần thứ nhất và thứ hai, C mua ma túy của T2 mỗi lần giá 1.500.000 đồng mang về bán lại cho H (BT) giá 2.000.000 đồng; lần thứ ba, thứ tư mua ma túy của T2 giá 2.500.000 đồng, bán lại cho H (BT) giá 3.000.000 đồng; lần bị bắt quả tang, mua của T2 2.250.000 đồng được 02 bịch ma túy dạng khay và 01 viên thuốc lắc, mang đến bán cho H (BT), chưa kịp nhận tiền thì bị bắt quả tang.

* Kết luận giám định số 1974/KL-KTHS ngày 22-12-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận:

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong 02 bịch nylon bóp kín miệng (kí hiệu M1) gửi đến giám định là chất ma túy; loại Ketamine; khối lượng 2,0605 gam;

- Mẫu 01 viên nén màu hồng (kí hiệu M2) gửi đến giám định là chất ma túy, loại MDMA; khối lượng 0,3062 gam.

Cáo trạng số 64/CT-VKSTPTN ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Thanh H (BT) về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Thanh H (Đ) và bị cáo Nguyễn Văn U về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trình bày bản luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố, đồng thời bổ sung thêm nội dung: Bị cáo Lê Thanh H (BT) có 01 tiền án là Bản án số 09/2013/HSST ngày 23-01-2013 của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh xử phạt Lê Thanh H 3 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07-9-2015 nhưng chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại nên chưa được xóa án tích. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”:

+ Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 251; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 7 năm đến 8 năm tù.

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H (BT), Lê Thanh H (Đ) và bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”:

+ Áp dụng Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thanh H (BT) từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

+ Áp dụng Điểm g Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thanh H (Đ) từ 12 tháng đến 15 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn C, Lê Thanh H (BT), Lê Thanh H (Đ) và bị cáo Nguyễn Văn U.

+ Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư được niêm phong ghi vụ số 1974/KL-KTHS có dấu đỏ hình tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh và chữ ký của giám định viên Nguyễn Thị Tuyết Mai, trợ lý Lê Nhựt Nam.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu Đ xám, số IMEI 359304066173165, số sim 0706907047 và 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đồng, số IMEI 353331070144052, số sim 0765567857.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền Việt Nam 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời nói sau cùng: *“Các bị cáo hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng và làm lại cuộc đời”.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn C, Lê Thanh H (BT), Lê Thanh H (Đ), Nguyễn Văn U đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, thời gian địa điểm, tang vật thu được tại hiện trường, lời khai của những người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên từ tháng 11 năm 2020, Trần Văn C nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho Lê Thanh H (BT). Ngày 16-12-2020, C bán cho Lê Thanh H (BT) 02 bịch ma túy loại Ketamine, khối lượng 2,0605 gam và 01 viên ma túy (thuốc lắc) loại MDMA, khối lượng 0,3062 gam với số tiền 2.800.000 đồng thì bị bắt quả tang. Trong đó, Lê Thanh H (BT) tàng trữ trái phép 02 bịch ma túy, loại Ketamine, khối lượng 2,0605 gam và 01 viên ma túy (thuốc lắc) loại MDMA, khối lượng 0,3062 gam để sử dụng; Lê Thanh H (Đ) và Nguyễn Văn U đồng phạm cùng Lê Thanh H (BT) tàng trữ trái phép 02 bịch ma túy, loại Ketamine, khối lượng 2,0605 gam để sử dụng bị bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là hiểm họa, sử dụng chất ma túy làm suy giảm sức khỏe của con người và là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cất giấu ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên vẫn phạm tội.

Bị cáo Trần Văn C đã nhiều lần bán trái phép ma túy cho Lê Thanh H (BT). Hành vi của bị cáo C có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Thanh H (BT) tàng trữ trái phép 02 (Hai) chất ma túy là Ketamine và MDMA. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Thanh H (Đ) và bị cáo Nguyễn Văn U tàng trữ trái phép chất ma túy là Ketamine. Hành vi của hai bị cáo H (Đ) và U có đủ yếu

tổ cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng 64/CT-VKSTPTN ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Khi quyết định hình phạt cần xem xét:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn C, Lê Thanh H (Đ), Nguyễn Văn U không có.

Đối với bị cáo Lê Thanh H (BT) chấp hành án xong hình phạt tù vào ngày 07-9-2015 nhưng chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại nên chưa được xóa án tích về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo bản án số 09/2013/HSST ngày 23-01-2013 của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn C tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm r, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Thanh H (BT), Lê Thanh H (Đ), Nguyễn Văn U thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về áp dụng hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung. Đối với các bị cáo Lê Thanh H (BT), Lê Thanh H (Đ) và Nguyễn Văn U là đồng phạm trong vụ án nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn: Bị cáo Lê Thanh H (BT) tàng trữ 02 (Hai) chất ma túy là Ketamine và MDMA và có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị cáo H (BT) phải chịu hình phạt nặng hơn 2 bị cáo H (Đ) và bị cáo U.

Qua xác minh, các bị cáo Trần Văn C, Lê Thanh H (BT), Nguyễn Văn U không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nêu trên. Riêng bị cáo Lê Thanh H (Đ) và chị Lê Thị Bích L (chị ruột bị cáo H(Đ)) có tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 128040 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02-10-2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tây Ninh tiến hành kê biên theo Lệnh kê biên số 02/L ngày 23-4-2021. Do tài sản bị kê biên không liên quan đến hành vi phạm tội, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H (Đ) nên cần hủy Lệnh kê biên số 02/L ngày 23-4-2021.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Đối với 01 bì thư được niêm phong ghi vụ số 1974/KL-KTHS có dấu đỏ hình tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh và chữ ký của giám định viên Nguyễn Thị Tuyết Mai, trợ lý Lê Nhựt Nam thuộc vật Nhà nước cầm tàng trữ, cầm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Iphone màu đen xám, số IMEI 359304066173165, số sim 0706907047 bị cáo Trần Văn C dùng để liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đồng, số IMEI 353331070144052, số sim 0765567857 bị cáo Lê Thanh H (BT) dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền Việt Nam 2.800.000 đồng là số tiền do mua bán ma túy mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 70B1-792.24, số máy: E3X9E-508895, số khung: RLCUE3240-JY 188789 và 01 xe mô tô loại Vario, không biển số, số máy JM51E-1654336, số khung MH1JM5115LK654248 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tây Ninh đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập giải quyết.

[6] Đối với người tên “T2” bán ma túy cho C, người tên “H2” và những người không rõ họ tên địa chỉ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tây Ninh chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn C, Lê Thanh H (BT), Lê Thanh H (Đ), Nguyễn Văn U mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên cho thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 251; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 7 (Bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 17-12-2020.

Căn cứ Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H (BT) 1 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 17-12-2020.

Căn cứ Điểm g Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H (Đ) 1 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 16-4-2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 1 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 16-4-2021.

Hủy Lệnh kê biên số 02/L ngày 23-4-2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tây Ninh đối với quyền sử dụng đất diện tích 108 m², thửa đất số 29, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại Khu phố 4, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 128040 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02-10-2019 cấp cho bị cáo Lê Thanh H (Đ) và chị Lê Thị Bích L. Bị cáo Lê Thanh H (Đ) và chị Lê Thị Bích L có quyền của chủ sở hữu đối với quyền sử dụng đất này theo quy định pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư được niêm phong ghi vụ số 1974/KL-KTHS có dấu đỏ hình tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh và chữ ký của giám định viên Nguyễn Thị Tuyết Mai, trợ lý Lê Nhựt Nam.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu đen xám, số IMEI 359304066173165, số sim 0706907047 và 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đồng, số IMEI 353331070144052, số sim 0765567857.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền Việt Nam 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-6-2021 đã được Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố Tây Ninh chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Văn C, Lê Thanh H (BT), Lê Thanh H (Đ), Nguyễn Văn U mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- P.KTNV&THA-TAND tỉnh TN;
- Phòng PV 06 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an TP Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Đội ĐTTP về TTATXH;
- Cơ quan THAHS
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hạnh